

CHÍNH PHỦ
Số: 04/1999/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ngân sách số 06/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;
Để tăng cường và thống nhất quản lý các khoản phí, lệ phí cho ngân sách Nhà nước;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định đối với phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước, bao gồm:

- Các khoản thu phí phục vụ hoạt động sự nghiệp, hoạt động công cộng hoặc lợi ích công cộng không mang tính kinh doanh theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân;
- Các khoản thu lệ phí phục vụ công việc quản lý hành chính Nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Điều 2. Phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước (dưới đây gọi chung là phí, lệ phí) quy định tại Nghị định này được hiểu như sau:

- Phí là khoản thu do Nhà nước quy định nhằm bù đắp một phần chi phí của ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng, mua sắm, bảo dưỡng và quản lý tài sản, tài nguyên hoặc chủ quyền quốc gia để phục vụ các tổ chức, cá nhân hoạt động sự nghiệp, hoạt động công cộng hoặc lợi ích công cộng theo yêu cầu, không mang tính kinh doanh;
- Lệ phí là khoản thu do Nhà nước quy định thu đối với tổ chức, cá nhân để Nhà nước phục vụ công việc quản lý hành chính nhà nước theo yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị định này không áp dụng đối với:

1. Phí, lệ phí thuộc phúc lợi xã hội, như: phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động và các loại phí bảo hiểm khác trực tiếp phục vụ nhu cầu phúc lợi xã hội của người nộp và cộng đồng, được quản lý theo quy định của pháp luật khác;

2. Phí (hoặc nguyệt liễm, niên liễm) thu theo điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

3. Phí cung cấp hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ và hoạt động kinh doanh khác (bao gồm giá bán hàng hoá, dịch vụ và phụ thu qua giá bán hàng hoá, dịch vụ) được quản lý theo chính sách giá của Nhà nước quy định;

4. Các khoản huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp vì mục đích xây dựng công trình hạ tầng, công trình công cộng và công ích khác theo quy định của pháp luật;

5. Các khoản đóng góp tự nguyện vì mục đích từ thiện hoặc tài trợ cho các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao mang tính phong trào quần chúng, không mang tính kinh doanh.

Trường hợp tổ chức, cá nhân (bao gồm cả những đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) thực hiện thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thì phải quản lý theo quy định của Nghị định này.

Việc chuyển động đóng góp trái pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước phục vụ hoạt động sự nghiệp, hoạt động công cộng, lợi ích công cộng hoặc công việc quản lý hành chính nhà nước mà pháp luật quy định là đối tượng thu phí, lệ phí thì phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về phí, lệ phí khác với Nghị định này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chế độ thu, nộp phí, lệ phí sẽ quy định cụ thể đối tượng nộp, đối tượng không phải nộp phí, lệ phí quy định tại Điều này.

Điều 5. Những cơ quan, tổ chức được pháp luật quy định nhiệm vụ thu phí, lệ phí mới được thu phí, lệ phí, bao gồm:

1. Cơ quan Thuế nhà nước;

2. Cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng vật tư, tài sản, tài nguyên hoặc chủ quyền quốc gia để phục vụ cho hoạt động sự nghiệp, hoạt động công cộng hoặc phục vụ công việc quản lý hành chính nhà nước được pháp luật quy định thu phí, lệ phí;

Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tự thu phí, lệ phí trái với quy định tại Nghị định này.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÍ, LỆ PHÍ

Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về phí, lệ phí bao gồm:

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí;
2. Tổ chức thi hành và hướng dẫn việc thi hành pháp luật về phí, lệ phí;
3. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về phí, lệ phí;
4. Xét, giải quyết các vi phạm pháp luật, khiếu nại, tố cáo về phí, lệ phí;
5. Bãi bỏ, đình chỉ thi hành các khoản phí, lệ phí không phù hợp hoặc ban hành trái pháp luật.

Điều 7. Quản lý nhà nước về phí, lệ phí:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phí, lệ phí;
2. Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về phí, lệ phí có trách nhiệm trình Chính phủ giải quyết hoặc giải quyết theo thẩm quyền các nội dung quản lý nhà nước về phí, lệ phí quy định tại Điều 6, Nghị định này;
3. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về phí, lệ phí trong phạm vi địa phương mình, có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về chủ trương thu phí, lệ phí tại địa phương và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương;
4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phí, lệ phí trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 8. Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí:

1. Chính phủ ban hành danh mục các loại phí, lệ phí ngoài các loại phí, lệ phí đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại các Luật, Pháp lệnh;

Trong quá trình thực hiện, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (dưới đây gọi chung là Bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là tỉnh) đề xuất với Bộ Tài chính để Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ xem xét quyết định; Căn cứ vào các Luật, Pháp lệnh hiện hành có liên quan tới phí, lệ phí, Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định này Biểu danh mục phí, lệ phí áp dụng thống nhất trong cả nước. Bộ Tài chính hướng dẫn phạm vi áp dụng của từng loại phí, lệ phí trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định này;

Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân quy định chế độ thu và tổ chức thu loại phí, lệ phí không thuộc danh mục quy định tại khoản này;

2. Thẩm quyền ban hành văn bản quy định chế độ thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí được phân cấp như sau:

- a) Chính phủ quy định chế độ thu, nộp và sử dụng đối với một số loại phí, lệ phí có nguồn thu lớn, tập trung và thực hiện trong cả nước;
- b) Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định chế độ thu, nộp và sử dụng đối với các loại phí, lệ phí áp dụng thống nhất trong cả nước (không phân biệt cơ quan trung ương hay cơ quan địa phương tổ chức thu), loại phí, lệ phí tổ chức thu trong một số tỉnh, thành phố;
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có nghị quyết về chủ trương thu phí, lệ phí của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định chế độ thu, nộp và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc phạm vi địa phương và do cơ quan thuộc tỉnh (kể cả huyện, xã) tổ chức thu (trừ loại phí, lệ phí đã được Chính phủ hoặc Bộ Tài chính ban hành theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này);
- d) Cơ quan ban hành chế độ thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều này, phải gửi quyết định ban hành lên Chính phủ và Bộ Tài chính để báo cáo. Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các phí, lệ phí do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; nếu phát hiện có trường hợp ban hành trái quy định của Nghị định này và các văn bản có liên quan thì phải trình Chính phủ xử lý hoặc Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền;
- đ) Các cơ quan có thẩm quyền ban hành chế độ thu, nộp và sử dụng từng loại phí, lệ phí quy định tại khoản này không được uỷ quyền cho cơ quan khác hoặc cho cấp dưới.

Chương III

CHẾ ĐỘ THU VÀ NỘP PHÍ, LỆ PHÍ

Điều 9. Mức thu phí, lệ phí quy định bằng số tiền nhất định hoặc bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên trị giá vốn, trị giá tài sản, hàng hoá và căn cứ vào chi phí cần thiết, tính chất, đặc điểm của từng loại hoạt động sản xuất, hoạt động công cộng, từng công việc quản lý hành chính nhà nước và tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, có tính đến đặc điểm các vùng và thông lệ quốc tế.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam. Trường hợp pháp luật quy định mức thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí, lệ phí; tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí ở nước ngoài bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng đô la Mỹ.

Điều 11. Tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí nhất thiết phải cấp chứng từ thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính cho người nộp tiền phí, lệ phí.

Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí phải yêu cầu người thu phí, lệ phí cấp cho mình chứng từ thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thu, nộp phí, lệ phí không sử dụng hoặc sử dụng chứng từ không đúng quy định của Bộ Tài chính.

Điều 12. Tiền thu phí, lệ phí được quản lý sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí, lệ phí khi thu được tiền phí, lệ phí phải gửi vào Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

2. Toàn bộ tiền thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định này phải phản ánh đầy đủ vào ngân sách nhà nước. Để tạo điều kiện cho cơ quan thu phí, lệ phí chủ động thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước giao, tiền thu phí, lệ phí được quản lý sử dụng như sau:

a) Đối với loại phí, lệ phí mà cơ quan thu không phải chi phí cho hoạt động thu loại phí, lệ phí đó hoặc các khoản chi này đã được ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan thu theo dự toán hàng năm thì cơ quan thu phải nộp hết số tiền phí, lệ phí đã thu được vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp, các cơ quan, tổ chức được uỷ nhiệm việc thu phí, lệ phí ngoài chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của mình thì cơ quan, tổ chức trực tiếp thu phí, lệ phí được trừ một khoản thù lao trích theo tỷ lệ (%) trên số tiền phí, lệ phí đã thu được để chi cho việc tổ chức thu loại phí, lệ phí đó theo chế độ chung của Nhà nước, nhất thiết không được tăng mức phí và lệ phí để thu thêm.

b) Đối với loại phí, lệ phí mà cơ quan thu phải chi phí cho hoạt động thu, nhưng các khoản chi này không được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán hàng năm thì cơ quan trực tiếp thu phí, lệ phí được trích số tiền phí, lệ phí đã thu được để chi phí cho việc tổ chức thu loại phí, lệ phí đó theo quy định của từng chế độ thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí cụ thể (trừ các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi không thường xuyên được quản lý theo chế độ riêng); số còn lại phải nộp hết vào ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích và sử dụng tiền thu phí, lệ phí quy định tại khoản này.

3. Khoản thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định này không phải chịu thuế.

Điều 13. Đăng ký, kê khai, nộp, quyết toán phí, lệ phí:

1. Cơ quan, tổ chức thu phí, lệ phí phải đăng ký việc thu, nộp phí, lệ phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo hướng dẫn của cơ quan Thuế. Đối với cơ quan, tổ chức bắt đầu thực hiện thu phí, lệ phí thì thời gian đăng ký thu, nộp phí, lệ phí chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện thu phí, lệ phí; trong trường hợp thay đổi, kết thúc hoặc đình chỉ thu phí, lệ phí thì phải khai báo với cơ quan Thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi thay đổi;

2. Cơ quan, tổ chức thu phí, lệ phí phải kê khai phí, lệ phí từng tháng và phải nộp tờ khai cho cơ quan Thuế trong năm ngày đầu của tháng tiếp theo. Cơ quan, tổ chức thu phí, lệ phí phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ